PHỤ LỤC 1. GIÁ ĐẤT Ở TẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THÀNH PHỐ MỸ THO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

1. Giá đất ở tại vị trí mặt tiền các tuyến đường chính

Đơn vị tính: đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
I	**Tên đường**			
1	Lê Lợi	30/4	Thủ Khoa Huân	17,300,000
		Thủ Khoa Huân	Ngô Quyền	27,600,000
		Ngô Quyền	Nguyễn Trãi	17,300,000
		Nguyễn Trãi	Nguyễn Tri Phương	14,400,000
2	Đường 30/4	Toàn tuyến		19,000,000
3	Thiên Hộ Dương	Toàn tuyến		8,100,000
4	Rạch Gầm	Trưng Trắc	Lê Lợi	17,300,000
		Lê Lợi	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	14,400,000
5	Huyện Thoại	Toàn tuyến		9,300,000
6	Thủ Khoa Huân	Cầu Quay	Lê Lợi	24,200,000
		Lê Lợi	Hùng Vương	19,600,000
		Hùng Vương	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	15,500,000
7	Lý Công Uẩn	Toàn tuyến		17,300,000
8	Lê Văn Duyệt	Cổng chợ	Lê Lợi	26,500,000
		Lê Lợi	Nhà văn hóa Phường 1	10,400,000
9	Lê Đại Hành	Nguyễn Huệ	Lê Lợi	23,000,000
		Lê Lợi	Hùng Vương	17,300,000
		Hùng Vương	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	13,500,000
10	Lê Thị Phỉ	Toàn tuyến		19,600,000

11	Ngô Quyền	Trưng Trắc	Hùng Vương	17,300,000
		Hùng Vương	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	15,500,000
12	Nguyễn Trãi	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Hùng Vương	21,300,000
		Hùng Vương	Cầu Nguyễn Trãi	14,400,000
13	Nguyễn Tri Phương	Ngô Quyền	Hùng Vương	9,500,000
		Hùng Vương	Trần Quốc Toản	11,500,000
		Trần Quốc Toản	Khu bến trái cây	16,400,000
		Khu bến trái cây	Ấp Bắc	17,100,000
14	Trưng Trắc	30/4	Thủ Khoa Huân	19,000,000
		Thủ Khoa Huân	Lê Thị Phỉ	16,400,000
		Lê Thị Phỉ	Ngô Quyền	12,400,000
15	Võ Tánh (Nam),Võ Tánh (Bắc)	Toàn tuyến		26,700,000
16	Lãnh Binh Cẩn	Toàn tuyến		10,400,000
17	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Toàn tuyến		8,100,000
18	Trương Định	30/4	Thủ Khoa Huân	8,600,000
		Thủ Khoa Huân	Lê Văn Duyệt	10,400,000
19	Nguyễn Huệ	Lý Công Uẩn	Lê Thị Phỉ	28,800,000
		Lê Thị Phỉ	Ngô Quyền	22,100,000
		Ngô Quyền	Nguyễn Trãi	17,300,000
		Nguyễn Trãi	Nguyễn Tri Phương	14,400,000
20	Hùng Vương	Rạch Gầm	Cầu Hùng Vương	19,000,000
		Cầu Hùng Vương	Đường Lê Văn Nghề (Đường huyện 92C cũ, đoạn Đường huyện 89 cũ)	17,300,000
		Đường Lê Văn Nghề (Đường huyện 92C cũ, đoạn Đường huyện 89 cũ)	Quốc lộ 50	11,500,000

21	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Ấp Bắc	30/4	24,700,000
		30/4	Đường dọc bờ kè sông Tiền	11,500,000
22	Đường dọc bờ kè sông Tiền	Công ty TNHH MTV cấp nước TG	Đường Trần Văn Dược (phía Tây) (Đường xuống Bến phà cũ)	9,200,000
		Đường Trần Văn Dược (phía Tây) (Đường xuống Bến phà cũ)	Kênh Xáng Cụt	6,700,000
23	Huỳnh Tịnh Của	Toàn tuyến		7,200,000
24	Phan Hiến Đạo	Toàn tuyến		7,200,000
25	Trương Vĩnh Ký	Toàn tuyến		7,200,000
26	Lê Văn Thạnh	Toàn tuyến		6,300,000
27	Giồng Dứa	Toàn tuyến		7,200,000
28	Trần Quốc Toản	Toàn tuyến		11,500,000
29	Yersin	Toàn tuyến		14,400,000
30	Tết Mậu Thân	Toàn tuyến		14,400,000
31	Đường nối từ đường Tết Mậu Thân đến Đống Đa (hẻm 199 - khu phố 5 - phường 4)			4,500,000
32	Đống Đa	Lý Thường Kiệt	Ấp Bắc	8,200,000
33	Đống Đa nối dài	Ấp Bắc	Cầu Thạnh Trị	14,400,000
34	Trần Hưng Đạo	Ấp Bắc	Lý Thường Kiệt	18,400,000
		Lý Thường Kiệt	Lê Thị Hồng Gấm	16,100,000
		Lê Thị Hồng Gấm	Đường dọc bờ kè sông Tiền	6,300,000
35	Dương Khuy	Toàn tuyến		5,500,000
36	Lý Thường Kiệt	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Trần Hưng Đạo	17,300,000
		Trần Hưng Đạo	Ấp Bắc	15,000,000
37	Đường nội bộ khu dân cư Sao Mai			4,500,000
38	Trịnh Văn Quảng	Lý Thường Kiệt	Công viên Khu phố 6, 7 Phường 6	4,500,000

39	Đoàn Thị Nghiệp	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thị Thập (Quốc lộ 60)	4,700,000
		Nguyễn Thị Thập (Quốc lộ 60)	Phạm Hùng (Đường tỉnh 870B)	3,900,000
		Đoạn còn lại		1,200,000
40	Phạm Thanh (Lộ Tập đoàn)	Toàn tuyến		4,700,000
41	Trần Ngọc Giải	Lý Thường Kiệt	Phan Lương Trực	4,300,000
		Phan Lương Trực	Nguyễn Thị Thập (Quốc lộ 60)	3,300,000
42	Phan Lương Trực	Lê Văn Phẩm	Trần Ngọc Giải	5,800,000
		Trần Ngọc Giải	Kênh Xáng cụt	2,900,000
43	Hồ Bé	Cơ quan Điều tra hình sự KV1- QK9	Phan Lương Trực	3,300,000
44	Vũ Mạnh	Nguyễn Thị Thập (Quốc lộ 60)	Toàn tuyến	2,800,000
45	Nguyễn Công Bình	Nguyễn Thị Thập (Quốc lộ 60)	Phạm Hùng (Đường tỉnh 870B)	4,700,000
46	Lê Văn Phẩm	Nguyễn Thị Thập (Quốc lộ 60)	Phan Lương Trực	7,600,000
		Phan Lương Trực	Lý Thường Kiệt	4,700,000
47	Đường vào trường PTTH Chuyên Tiền Giang	Nguyễn Công Bình	Trường PTTH Chuyên Tiền Giang	3,600,000
48	Lê Thị Hồng Gấm	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Đường Trần Văn Dược (phía Tây)	13,500,000
		Đường Trần Văn Dược (phía Tây)	Trường Chính Trị	11,500,000
49	Đường Trần Văn Dược (phía Tây)			6,000,000
50	Đường Trần Văn Dược (phía Đông)			6,000,000
51	Khu vực chợ Vòng nhỏ - phường 6			6,300,000
52	Ấp Bắc	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Trần Hưng Đạo	19,000,000
		Trần Hưng Đạo	Cầu Đạo Ngạn	16,100,000
		Cầu Đạo Ngạn	Cầu Trung Lương	13,800,000
		Cầu Trung Lương	Vòng xoay Trung Lương	11,500,000
53	Hoàng Việt	Ấp Bắc	Lý Thường Kiệt	4,900,000

54	Nguyễn Sáng	Trần Hưng Đạo (cầu Bạch nha cũ)	Hoàng Việt	4,500,000
55	Trừ Văn Thố	Hoàng Việt	Lý Thường Kiệt	4,700,000
56	Hồ Văn Nhánh	Ấp Bắc	Nguyễn Thị Thập (QL.60)	3,600,000
57	Đường dự án Rạch Bạch Nha			3,600,000
58	Nguyễn Thị Thập (QL.60)	Lê Thị Hồng Gấm	Lê Văn Phẩm	7,600,000
		Lê Văn Phẩm	Ấp Bắc	6,300,000
59	Đường vào và đường nội bộ khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng			3,600,000
60	Quốc lộ 1	Từ cầu Bến Chùa	Đường huyện 93	5,200,000
		Đoạn còn lại thuộc Mỹ Tho		3,800,000
61	Phan Thanh Giản	Cầu Quay	Thái Văn Đẩu	6,300,000
		Cầu Quay	Học Lạc	4,500,000
		Học Lạc	Hoàng Hoa Thám	3,800,000
62	Trịnh Hoài Đức	Học Lạc	Cô Giang	7,500,000
		Đoạn còn lại		5,200,000
63	Đốc Binh Kiều	Đinh Bộ Lĩnh	Nguyễn An Ninh	4,500,000
		Đinh Bộ Lĩnh	Học Lạc	5,100,000
		Học Lạc	Hoàng Hoa Thám	3,600,000
64	Nguyễn An Ninh	Toàn tuyến		4,000,000
65	Phan Bội Châu	Toàn tuyến		3,600,000
66	Nguyễn Huỳnh Đức	Thái Văn Đẩu	Đinh Bộ Lĩnh	5,200,000
		Đinh Bộ Lĩnh	Học Lạc	6,300,000
		Học Lạc	Nguyễn Văn Giác	6,300,000
67	Nguyễn Văn Nguyễn	Toàn tuyến		6,300,000

68	Thái Sanh Hạnh	Toàn tuyến		5,500,000
69	Đường nội bộ khu dân cư phường 9 (gò Ông Giãn)			1,300,000
70	Thái Văn Đẩu	Toàn tuyến		2,500,000
71	Phan Văn Trị	Toàn tuyến		4,400,000
72	Cô Giang	Toàn tuyến		4,400,000
73	Ký Con	Toàn tuyến		3,600,000
74	Đinh Bộ Lĩnh	Cầu Quay	Nguyễn Huỳnh Đức	16,300,000
		Nguyễn Huỳnh Đức	Thái Sanh Hạnh	12,400,000
		Thái Sanh Hạnh	Ngã ba Quốc lộ 50	4,500,000
75	Đường Mỹ Chánh, phường 2			3,600,000
76	Học Lạc	Phan Thanh Giản	Nguyễn Huỳnh Đức	6,300,000
		Nguyễn Huỳnh Đức	Nguyễn Văn Nguyễn	6,300,000
		Nguyễn Văn Nguyễn	Thái Sanh Hạnh	5,800,000
77	Hoàng Hoa Thám	Toàn tuyến		4,500,000
78	Trần Nguyên Hãn (ĐT.879B)	Nguyễn Huỳnh Đức	Quốc lộ 50	5,500,000
		Quốc lộ 50	Cầu Gò Cát	3,200,000
79	Đường tỉnh 879B	Cầu Gò Cát	Đường huyện 89	1,800,000
		Đường huyện 89	Ranh Chợ Gạo	1,400,000
80	Nguyễn Văn Giác	Toàn tuyến		7,200,000
81	Nguyễn Trung Trực (ĐT.879)	Nguyễn Huỳnh Đức	Cầu Vĩ	4,500,000
		Cầu Vĩ	Quốc lộ 50	3,300,000
82	Đường tỉnh 879	Quốc lộ 50	Cầu Long Hòa	1,600,000
		Cầu Long Hòa	Ranh Chợ Gạo	920,000

83	Khu chợ Phường 4			16,300,000
84	Quốc lộ 50	Ngã ba giao đường Đinh Bộ Lĩnh	Cống ranh ấp Phong Thuận và Tân Tỉnh	3,600,000
		Cống ranh ấp Phong Thuận và Tân Tỉnh	Cống số 5 ấp Tân Tỉnh	2,800,000
		Cống số 5 ấp Tân Tỉnh	Ranh huyện Chợ Gạo	2,200,000
85	Quốc lộ 50 (tuyến tránh TP.Mỹ Tho)	Quốc lộ 1	Cống Bảo Định	3,800,000
		Trên địa bàn 2 xã Đạo Thạnh và Mỹ Phong		2,300,000
		Trên địa bàn phường 9		2,800,000
86	Đường Trưng Nhị (Đường Bắc từ Thuận Hà - Tân Hòa, phường Tân Long)			810,000
87	Đường Lê Chân (Đường Nam và đoạn còn lại của đường Trưng Nhị, phường Tân Long)			630,000
88	Phạm Hùng (ĐT.870B)	Toàn tuyến		5,500,000
89	Đường Ngô Gia Tự (ĐT.864)	Cầu Bình Đức	Đường tỉnh 870	5,500,000
90	Đường Đoàn Giỏi	Đường chính vào khu dân cư Bình Tạo (từ Đường tỉnh 870B và Đường tỉnh 864 đi vào)		2,200,000
		Đường phụ khu dân cư Bình Tạo		1,700,000
91	Đường xã Đạo Thạnh (ĐH 92)	Quốc lộ 1, Phường 10	Đường Nguyễn Minh Đường, xã Đạo Thạnh	2,200,000
92	Đường Hóc Đùn (ĐH 92B)	Quốc lộ 50	Bia Thành đội, xã Đạo Thạnh	1,800,000
93	Đường Lê Văn Nghề (ĐH.92C cũ)	Cầu Thạnh Trị	Ngã tư Hùng Vương	3,200,000
		Ngã tư Hùng Vương	Nguyễn Trung Trực (Đường tỉnh 879)	1,800,000
94	Đường Bến đò Nhà Thiếc (ĐH 92D)	Cầu Đạo Thạnh, xã Đạo Thạnh	Quốc lộ 50, xã Đạo Thạnh	2,800,000
95	Đường Lộ Dừa Bị (ĐH 92E)	Đường huyện 92, xã Đạo Thạnh	Sông Bảo Định, xã Đạo Thạnh	1,200,000
96	Đường Kênh Kháng Chiến (ĐH 94)	Đường Phạm Hùng (Đường tỉnh 870B), xã Trung An	Rạch Cái Ngang, xã Trung An	1,800,000

97	Đường Trần Văn Hiển (ĐH.94B cũ)	Nguyễn Thị Thập	Đường Phạm Hùng (Đường tỉnh 870B)	2,800,000
98	Đường Lộ Me-Mỹ Phong (ĐH 89)	Nguyễn Trung Trực (Đường tỉnh 879)	Quốc lộ 50	1,600,000
		Quốc lộ 50	Đường tỉnh 879B	1,400,000
		Đường tỉnh 879B	Ranh xã Tân Mỹ Chánh	1,200,000
		Ranh xã Tân Mỹ Chánh	Ranh Chợ Gạo, xã Tân Mỹ Chánh	920,000
99	Đường Kinh Nổi, Mỹ Phong (ĐH 90)	Đường Mỹ Phong, xã Mỹ Phong	Quốc lộ 50	1,800,000
		Quốc lộ 50	Ranh Chợ Gạo, xã Mỹ Phong	1,300,000
100	Trần Thị Thơm	Toàn tuyến		2,800,000
101	Nguyễn Quân	Ấp Bắc	Cầu Đạo Thạnh	4,000,000
102	Đường Lộ Vàm Tân Mỹ Chánh (ĐH 86)	Quốc lộ 50, xã Tân Mỹ Chánh	Sông Tiền, xã Tân Mỹ Chánh	1,400,000
103	Đường N5 xã Tân Mỹ Chánh (ĐH 86B)	Quốc lộ 50, Tân Mỹ Chánh	Đường Lộ làng, xã Tân Mỹ Chánh	1,300,000
104	Đường Lộ Đài Tân Mỹ Chánh (ĐH 86C)	Quốc lộ 50, xã Tân Mỹ Chánh	Đường Lộ làng, xã Tân Mỹ Chánh	1,500,000
105	Đường Tổ 1-2 Phong Thuận, Tân Mỹ Chánh (ĐH 86D)	Quốc lộ 50, xã Tân Mỹ Chánh	Sông Tiền, xã Tân Mỹ Chánh	1,200,000
106	Nguyễn Ngọc Ba (đường cặp Trường Chính trị)			3,300,000
107	Đường Xóm Dầu (phường 3)			2,300,000
108	Đường Lê Việt Thắng (Đường liên khu phố 6-7, phường 5)			2,800,000
109	Đường Diệp Minh Tuyền (Đường vào Trường Học Lạc)	Nguyễn Văn Nguyễn	Cổng khu phố 6-7	3,200,000
		Đoạn vào khu tái định cư		2,800,000
110	Đường Trần Thị Sanh	Đinh Bộ Lĩnh	Bờ Sông Tiền	1,100,000
111	Đường tỉnh 870	Ngô Gia Tự (ĐT.864)	Cây xăng Thanh Tâm	3,300,000
		Cây xăng Thanh Tâm	Đường huyện 34 (Đường Cổng 2 Đồng Tâm)	2,400,000
		Đường huyện 34 (Đường Cổng 2 Đồng Tâm)	Cách Quốc lộ 1:100m	2,000,000
		Đoạn còn lại		2,300,000

112	Đường Đỗ Văn Thống			2,800,000
113	Đường Phan Văn Khỏe			5,500,000
114	Đường Nguyễn Minh Đường			6,300,000
115	Đường Miểu Cây Dông (ĐH 93)	Quốc lộ 1A, Phường 10; xã Trung An	Đường Trần Văn Hiển, xã Trung An	1,800,000
116	Đường vào Chùa Vĩnh Tràng			1,000,000
117	Đường Mỹ Chánh, xã Tân Mỹ Chánh			1,300,000
118	Đường vào Vựa lá Thanh Tòng cũ			4,500,000
119	Đường Nguyễn Tử Vân (Đường Khu hành chính phường 10)			2,300,000
120	Đường tổ 3, khu phố Trung Lương, phường 10			1,700,000
121	Đường vào khu nhà ở thuộc kho 302, xã Trung An			2,000,000
122	Đường Đê Hùng Vương			1,200,000
123	Đường dọc kênh kho Đạn, xã Trung An			1,200,000
124	Đường cặp Viện Bảo Tàng			4,500,000
125	Đường cầu Ván xã Trung An (ĐH 95)	Đường Trần Văn Hiển, xã Trung An	Đường Nguyễn Công Bình, xã Trung An	2,800,000
126	Đường Lộ Làng Tân Mỹ Chánh (ĐH 87)	Đường tỉnh 879B, Cầu Gò Cát, Phường 9 – Đường Lộ Xoài, xã Tân Mỹ Chánh		1,200,000
127	Đường Bình Phong (ĐH 87B)	Cầu Bình Phong, xã Tân Mỹ Chánh	Đường Lộ Xoài, xã Tân Mỹ Chánh	1,200,000
128	Đường Lộ Nghĩa Trang (ĐH 88)	Đường tỉnh 879B, xã Mỹ Phong	Giáp ranh huyện Chợ Gạo, xã Mỹ Phong	1,200,000
129	Đường dọc Kênh Ngang Một (ĐH 90B)	Đường tỉnh 879B, xã Mỹ Phong	Đường Kênh Nổi, xã Mỹ Phong	1,200,000
130	Đường dọc Kênh Ngang Hai (ĐH 90C)	Đường tỉnh 879B, xã Mỹ Phong	Ranh ấp Mỹ Lương, xã Mỹ Phong	1,200,000
131	Đường dọc Kênh Ngang Ba (ĐH 90D)	Đường Lộ Me, xã Mỹ Phong	Ranh ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Phong	1,200,000
132	Đường dọc Kênh Ngang Sáu (ĐH 90E)	Đường tỉnh 879B, xã Mỹ Phong	Đường 879, xã Mỹ Phong	1,200,000
133	Đường huyện 28, xã Đạo Thạnh			740,000
134	Đường dọc Kênh Lộ Đình (ĐH 91)	Kênh Ngang 1, xã Mỹ Phong	Rạch Gò Cát, xã Mỹ Phong	1,200,000

135	Đường cặp Kênh Nổi, xã Tân Mỹ Chánh (ĐH 87C)	Quốc lộ 50, Phường 9	Đường Lộ Xoài, xã Tân Mỹ Chánh	920,000
136	Đường Lộ Sườn xã Đạo Thạnh			1,200,000
137	Đường Cột Cờ, xã Đạo Thạnh			1,000,000
138	Đường N3, ấp Phong Thuận và Bình Phong, xã Tân Mỹ Chánh			920,000
139	Đường Bình Lợi 1, xã Tân Mỹ Chánh			1,200,000
140	Đường Bình Lợi 2, xã Tân Mỹ Chánh			920,000
141	Đường và cầu qua kênh Hốc Lựu, xã Tân Mỹ Chánh			920,000
142	Đường Trương Thành Công			1,200,000
143	Đường Kênh Nam Vang, phường 9, xã Tân Mỹ Chánh			1,200,000
144	Đường vào Công ty May Tiền Tiến			1,000,000
145	Đường liên ấp Bình Thành - Bình Lợi	Cầu Kinh	Ngã ba đường Bình Lợi 1	1,400,000
		Ngã ba đường Bình Lợi 1	Giáp ranh Chợ Gạo	1,200,000
146	Đường Trung tâm xã Thới Sơn (ĐH 94C)	Từ cầu Đúc về hướng Đông, kể cả 02 tuyến đường nhánh lên xuống cầu Rạch Miễu		1,100,000
		Từ cầu Đúc về hướng Tây		920,000
147	Đường N3, ấp Mỹ Hưng			1,200,000
148	Đường cầu đường Mỹ Phú			1,200,000
149	Đường Một Quang			1,200,000
150	Đường Phùng Há			1,000,000
151	Đường Trần Thị Điểu			1,000,000
152	Đường Trần Trọng Quốc			1,000,000
153	Đường Trần Văn Cửu			1,000,000
154	Đường Ba Thiện			1,000,000
155	Đường Bờ Cộ			1,000,000
156	Đường 30/4 - xã Phước Thạnh			1,000,000

157	Đường Kênh Nổi, phường 9 (ĐH87C)			1,000,000
158	Đường Âu Dương Lân (Đầu QL.50 vào UBND phường 9)			1,100,000
159	Đường bờ kè sông Tiền	Phan Thanh Giản	Cảng cá Mỹ Tho	5,500,000
160	Đường Bờ kênh, phường 6 (cặp Quan Âm Tu viện)			3,300,000
161	Đường Kênh N2, phường 9	Đường Trần Thị Thơm	Đường Kênh Nổi	1,000,000
162	Đường Dân Thuận	Cầu Dân Thuận	Đường Kênh N2	2,800,000
163	Đường Đìa Lá, xã Trung An	Đường Đê Hùng Vương	Đường huyện 93	1,200,000
164	Đường Lâm Sản 8, xã Trung An			1,000,000
165	Đường 19/5, xã Trung An			1,000,000
166	Đường N5, xã Tân Mỹ Chánh	Đường huyện 87C	Đường huyện 87	800,000
167	Đường N6, xã Tân Mỹ Chánh	Đường Quốc lộ 50	Đường Huyện 87C	800,000
168	Đường N6B, xã Tân Mỹ Chánh	Đường huyện 87C	Kênh ngang Tân Tỉnh B	800,000
169	Đường N7, xã Tân Mỹ Chánh	Toàn tuyến		800,000
170	Đường Lò Gạch, xã Tân Mỹ Chánh			800,000
171	Đường Cống Gò Cát, xã Mỹ Phong	Toàn tuyến		2,000,000
172	Đường Lộ Đình, xã Mỹ Phong	Đường Trần Nguyên Hãn (đối diện cây xăng Nam Khang Phường 8)	Cầu An Lợi (tiếp giáp ĐH 91)	1,200,000
173	Đường Tổ 15 ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Phong (đối diện Khu tái định cư Mỹ Phong)	Đường Lê Văn Nghề	Giáp ranh xã Đạo Thạnh	1,200,000
174	Đường Thạnh Hòa, xã Đạo Thạnh			1,200,000
175	Đường rạch Cầu Bần, xã Đạo Thạnh, xã Mỹ Phong			1,200,000
176	Đường Cầu 7 Dũng sĩ (nhựa), xã Mỹ Phong			1,200,000
177	Đường rạch Cầu Đúc, Phường 3, Phường 8, xã Mỹ Phong			1,200,000
178	Đường Mỹ Hưng, xã Phước Thạnh			1,000,000
179	Đường Tổ 7-14-16-17, ấp Long Hưng, xã Phước Thạnh			1,000,000

180	Đường Số 1, ấp Long Mỹ, xã Phước Thạnh	1,000,000
181	Đường Số 1 nối dài, ấp Long Hưng + Long Mỹ, xã Phước Thạnh	1,000,000
182	Đường Số 7, ấp Long Mỹ, xã Phước Thạnh	1,000,000
183	Đường Tám Mai, xã Phước Thạnh	1,000,000
184	Đường Chín Châu, xã Phước Thạnh	1,000,000
185	Đường Liên ấp Phước Hòa-Phước Thuận, xã Phước Thạnh	1,000,000
186	Đường Bà Tư Gạo, xã Phước Thạnh	1,000,000
187	Đường Gò Me, xã Phước Thạnh	1,000,000
188	Đường Kênh Đìa Thùng, xã Phước Thạnh	1,000,000
189	Đường Số 2, ấp Long Mỹ, xã Phước Thạnh	1,000,000
II	**Khu tái định cư, khu dân cư**	
1	Đất Khu dân cư Vườn Thuốc Nam, phường 6	3,300,000
2	Đường Đỗ Quang (Khu tái định cư kênh Xáng Cụt, phường 6)	5,200,000
3	Đất Khu tái định cư Cảng cá, xã Tân Mỹ Chánh	1,600,000
4	Khu tái định cư Phường 2	1,100,000
5	Đất Khu tái định cư chùa Bửu Lâm	1,600,000
6	Đất Khu tái định cư nạo vét rạch Bạch Nha:	
	- Vị trí hẻm đường Đống Đa	2,800,000
	- Vị trí hẻm đường Ấp Bắc	4,600,000
7	Khu tái định cư Đạo Thạnh	2,300,000
8	Khu tái định cư Mỹ Phong	6,000,000
9	Khu tái định cư Kênh Xáng Cụt phường 3	6,400,000
10	Khu tái định cư Tân Tỉnh A	1,400,000
	Giá đất Khu tái định cư dọc sông Tiền -Phường 6	

11	- Mặt tiền đường nhựa rộng 7m	7,250,000
	- Mặt tiền đường nhựa rộng 6m	6,050,000
12	Đất Khu tái định cư Cảng cá, phường 2	1,100,000
13	Khu tái định cư Tân Tỉnh B	1,000,000
2. Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là thương mại - dịch vụ tại các cụm, khu công nghiệp		
1	Cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh	1,200,000
2	Cụm công nghiệp Trung An	1,500,000
3	Khu công nghiệp Mỹ Tho	1,800,000
3. Giá đất ở tối thiểu tại đô thị		
1	Mức giá đất ở đô thị tối thiểu	520,000

378720540000

(QĐ số 7208/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh

7,222,000
6,035,000